TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Giang Nam;

2. Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Hoài Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1993;

Địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc: Thôn M, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Lê Tuấn V, sinh năm 1991;

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: phường H, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị L có mặt tại phiên tòa, anh V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:

Về hôn nhân, chị L và anh V kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Lúc đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc, nhưng sau đó thì liên tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cải vả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên anh chị sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung, chị L và anh V có 01 con chung tên Lê Thị Tú Q, sinh ngày 09/01/2015, hiện nay con chung đang ở với chị L. Chị L yêu cầu nuôi cháu Q và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không trình bày và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai ngày 09/01/2019, anh Lê Tuấn V trình bày:

Về hôn nhân, anh V và chị L kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá tình chung sống từ năm 2014 đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cải vả. Anh V và chị L sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Sau đó anh V chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Chị L yêu cầu ly hôn thì anh V đồng ý.

Về con chung, anh V xác nhận anh với chị L có 01 con chung tên Lê Thị Tú Q, sinh ngày 09/01/2015, hiện nay cháu đang ở với chị L. Chị L yêu cầu nuôi cháu Quyên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh V đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V đề nghị vắng mặt tất cả các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án. Đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về việc viết bản tự khai, tham gia phiên tòa và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa xét thấy vợ chồng chị L, anh V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi lấy nhau, vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, từ khoảng năm 2018 anh, chị không còn

sống chung với nhau. Chị L xin ly hôn và anh V cũng thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung đề nghị giao con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị L khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Lê Tuấn V hiện đang đăng ký thường trú tại thôn M, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn làm ăn ở xa (thành phố Hồ Chí Minh) đề nghị không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ không tiến hành hòa giải vụ án.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị L và anh Lê Tuấn V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh V đều thừa nhận cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn do anh chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, như vậy việc chị L xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Chị Ngô Thị L và anh Lê Tuấn V đều xác nhận có một con chung tên Lê Thị Tú Q, sinh ngày 09/01/2015, hiện nay con chung đang ở với chị L. Chị L yêu cầu nuôi cháu Q và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh V đồng ý. Do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Thị Tú Q, sinh ngày 09/01/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị L và anh Lê Tuấn V đều trình bày trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị L được ly hôn với anh Lê Tuấn V.

2. Về nuôi con: Giao con chung tên Lê Thị Tú Q, sinh ngày 09/01/2015, cho chị Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con (anh V) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí:

Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị đã tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 011434 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(*đã ký*)

Ngô Văn Ngoan